TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 02-6-2025
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Lê Văn Hoàng**;
2. Ông **Trần Quang Vinh**;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Bùi Công Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa*: Ông **Võ Hồng Nhân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2024/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST- DS, ngày 29/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-DS, ngày 16/05/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim T, sinh ngày 20/05/1963.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Phạm Thị So E, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm T, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T có mặt; bà So E và ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày*:**

Do có mối quan hệ đồng nhiệp làm chung cơ quan tại Trung tâm y tế

huyện T. Vào ngày 09/07/2023, bà T có cho bà So E mượn 15 chỉ vàng SJC và 200.000.000 đồng để làm lễ đính hôn cho con gái, nhưng đến hẹn thì bà So E không trả. Bà T đã nhiều lần đến để đòi lại số tiền, vàng nhưng đến nay bà So E không thực hiện.

Ngày 30/9/2024, bà T gửi tường trình đến Ban lãnh đạo Trung tâm y tế để kiến nghị việc vay tiền vàng. Qua làm việc với bà So E, Lãnh đạo Trung tâm y tế có văn bản số 873/TTYTTB-TCHC có văn bản xác nhận việc nợ tiền vàng và cam kết trả lại cho bà T.

Nay bà Huỳnh Kim T yêu cầu bà Phạm Thị So E và ông Lê Văn H (là chồng của bà So E) cùng liên đới trả lại 15 chỉ vàng SJC và 200.000.000 đồng tiền mặt đã vay theo biên nhận ngày 09/07/2023, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà T thống nhất quy đổi số vàng vay thành tiền để buộc bà So E và ông H liên đới trả. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn là bà Phạm Thị So E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, bà So E cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:

1. Biên nhận tiền vay ký tên So Em đề ngày 09/7/2023.

2. Văn bản số 873/TTYTTB-TCHC, ngày 01/10/2024 của Trung tâm Y tế huyện T; Tờ tường trình đề ngày 30/9/2024 ký tên Huỳnh Kim T;

Tài liệu do bị đơn cung cấp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào biên nhận đề ngày 09/07/2023 và văn bản số 873/TTYTTB-TCHC, ngày 01/10/2024 ghi nhận bà So E có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng và 15 chỉ vàng SJC. Do đó, việc vay vàng và tiền của bà So E là có thật. Bà So E không có gì chứng minh đã thực hiện trả nợ như thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, bà T yêu cầu bà So E trả nợ vay là có cơ sở.

Về trách nhiệm liên đới, bà T không có gì chứng minh ông H cùng vay và cùng sử dụng chung nên yêu cầu không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc bà S Em trả tiền vàng vay; không chấp nhận yêu cầu ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T yêu cầu bà Phạm Thị So E và ông Lê Văn H có trách nhiệm trả nợ vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Phạm Thị So E và ông Lê Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà So E và ông H.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà So E phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và 15 chỉ vàng SJC. Bà T chứng minh bằng "Biên nhận" đề ngày 09/7/2023 có chữ ký của bà So E và văn bản số 873/TTYTTB-TCHC, ngày 01/10/2024 của Trung tâm Y tế huyện T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Biên nhận đề ngày 09/7/2023 mà nguyên đơn cung cấp có nội dung bà So E có nợ số tiền là 200.000.000 đồng và 15 chỉ vàng SJC. Ngoài ra, văn bản số 873/TTYTTB-TCHC, ngày 01/10/2024 của Trung Tâm Y tế huyện T cũng xác nhận nội dung bà So E có nợ bà So E và cam kết trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản bác nội dung số tiền vay nêu trên. Như vậy, bà So E có vay tiền vàng của bà T là có thật. Việc bị đơn không thực hiện trả tiền là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, yêu cầu của bà T là có cơ sở.

Tại phiên tòa, bà T tự nguyện quy đổi số vàng vay 15 chỉ vàng SJC thành tiền theo giá trị tại thời điểm xét xử để giải quyết tranh chấp theo quy định. Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận. Căn cứ vào giá vàng được công bố trên cổng thông tin điện tử tại thời điểm xét xử, mỗi chỉ vàng SJC có

giá trị là 11.570.000 đồng. Như vậy, giá trị 15 chỉ vàng SJC tương ứng 173.550.000 đồng.

[5] Về yêu cầu ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà So E trả số nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà So E và ông H là vợ chồng hợp pháp. Mục đích vay tiền của So E là để làm lễ đính hôn cho con gái. Như vậy, bà So E vay tiền là để sử dụng chung vợ chồng. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, ông H có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp. Đối với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không buộc ông H có nghĩa vụ liên đới là chưa phù hợp như đã phân tích nêu trên.

[6] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bà So E và ông H trả lãi. Xét thấy đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bà So E và ông H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, bà So E và ông H cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, các đương sự vắng mặt không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặt khác, bà So E và ông H cũng không có gì chứng minh cho việc trả nợ của mình như thỏa thuận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình xác định yêu cầu của bà T là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà So E và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay còn thiếu là 200.000.000 đồng và 15 chỉ vàng SJC quy thành tiền là 173.550.00 đồng, tổng cộng là 373.550.000 đồng.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà So E và ông H phải nộp 18.677.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm. Do đó, bà So E phải nộp án phí sơ thẩm là 9.338.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 12, và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim T;

Buộc Phạm Thị So E và ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền vay còn nợ là 373.550.000 (Ba trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị So E phải chịu án phí sơ thẩm là 9.338.750 (Chín triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng. Ông Lê Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thanh Bình;
- CC THADS H. Thanh Bình;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đô